

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T1
TỈNH T2**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 103a/2022/HSST
Ngày 02/12/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T2, TỈNH T2**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đồng Ngọc Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Hiểu.

Ông Phạm Mã Siêu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trung Hiếu, Thư ký Tòa án nhân dân huyện T1, tỉnh T2.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T1, tỉnh T2 tham gia phiên tòa:
Bà Trần Quỳnh Huệ - Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T1, tỉnh T2 xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 100/2022/HSST ngày 31 tháng 10 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 98/2022/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 11 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2022/HSST-QĐ ngày 25 tháng 11 năm 2022; Thông báo thay đổi lịch phiên tòa số 06/2022/TB-TA ngày 28 tháng 11 năm 2022, đối với các bị cáo:

1. Lương Thế T3, sinh ngày 24/10/1994; nơi sinh: huyện T1, tỉnh T2; nơi cư trú: Tổ dân phố ĐS, thị trấn T1, huyện T1, tỉnh T2; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lương Ngọc M và bà Lê Thị H3; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: Không; tiền sự: Ngày 31/10/2021 bị Công an huyện TT xử phạt vi phạm hành chính (phạt tiền 2.500.000 đồng) về hành vi “Xâm hại sức khỏe của người khác”; nhân thân: Năm 2013 tham gia thực hiện Ngh1 vụ quân sự đóng quân tại Bộ tư lệnh thủ đô đến năm 2014 xuất ngũ về địa phương; bị bắt tạm giam từ ngày 07/6/2022, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh T2; bị cáo trích xuất, có mặt tại phiên tòa.

2. Lê Văn Ngh1, sinh ngày 29/9/1993; nơi sinh: huyện T1, tỉnh T2; nơi cư trú: Thôn Thôn RT, xã TP, huyện T1, tỉnh T2; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Bá C và bà Tạ Thị Th; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 07/6/2022, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh T2; bị cáo trích xuất, có mặt tại phiên tòa.

3. Vũ Văn H1, sinh ngày 21/02/1995; nơi sinh: huyện T1, tỉnh T2; Hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố ĐS, thị trấn T1, huyện T1, tỉnh T2. Nơi cư trú: Tổ dân phố x, thị trấn T1, huyện T1, tỉnh T2; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa:

12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn Đ và bà Nguyễn Thị H4; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Bản án số 65/2020/HS-ST ngày 10/11/2020 bị Tòa án nhân dân huyện T1 xử phạt 01 năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 năm về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”, bị cáo phạm tội trong thời gian thử thách; bị bắt tạm giam từ ngày 07/6/2022, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh T2; bị cáo trích xuất, có mặt tại phiên tòa.

4. Nguyễn Thị Tr1, sinh ngày 06/8/2002; nơi sinh: Huyện LN, tỉnh H5; Hộ khẩu thường trú: Thôn x DĐ, xã NT, huyện LN, tỉnh H5. Nơi cư trú: Thôn B1, xã TG, huyện T1, tỉnh T2; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Trọng S và bà Nguyễn Thị B; bị cáo chưa có chồng, con; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 07/6/2022, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh T2; bị cáo trích xuất, có mặt tại phiên tòa.

5. Phạm Duy H2, sinh ngày 06/7/2002; nơi sinh: huyện T1, tỉnh T2; Hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố TT, thị trấn T1, huyện T1, tỉnh T2. Nơi cư trú: Tổ dân phố x, thị trấn T1, huyện T1, tỉnh T2; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn Ch và bà Lương Thị Kim Ch1; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Không; bị tạm giữ từ ngày 06/6/2022 sau đó chuyển tạm giam. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh T2; bị cáo trích xuất, có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Nguyễn Lương Ph, sinh năm 1991, trú tại thôn TM, xã VP, thành phố T2; anh Nguyễn Thành N, sinh năm 1999, trú tại thôn TTĐ, xã AN, huyện T1; anh Phạm Trung Đ1, sinh năm 1996, trú tại thôn RT, xã TP, huyện T1, đều thuộc tỉnh T2 (đều vắng mặt).

- Người làm chứng:

Chị Trần Thị MA, sinh năm 2003, trú tại thôn VL, xã HG, huyện ĐH, tỉnh T2; chị Nguyễn Thu Ng1, sinh ngày 05/11/2007, trú tại tổ x, phường PL, quận H7, thành phố H8 (đều vắng mặt).

- Người đại diện hợp pháp của chị Nguyễn Thu Ng1:

Bà Lê Thị O, sinh năm 1988, trú tại số y, x, phường PL, quận H7, thành phố H8 (là mẹ đẻ chị Nguyễn Thu Ng1), (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 23 giờ ngày 01/6/2022, Lương Thế T3 cùng Lê Văn Ngh1; Nguyễn Thành Nam; Nguyễn Lương Ph rủ nhau đi uống rượu ọc ở khu vực ngã ba chợ chiều, thị trấn T1, huyện T1, tỉnh T2. Sau đó, T3 gọi điện thoại rủ Vũ Văn H1 và bạn gái của H1 là Trần Thị MA, sinh năm 2003, trú tại thôn VL, xã HG, huyện ĐH, tỉnh T2 đến cùng ăn uống. Trong lúc cả nhóm ăn uống thì có em họ của Ngh1 là Phạm Trung Đ1 sang mời rượu. Sau đó H1 và Ánh về trước còn T3, N, Ngh1, Ph tiếp tục ăn uống đến khoảng 02 giờ ngày 02/6/2022 thì T3, N, Ngh1, Ph,

Đ1 rủ nhau đến quán karaoke ĐG ở xã TG, huyện T1, tỉnh T2 hát. T3, Nam, Ngh1, Ph đi trước vào thuê phòng hát thì được nhân viên quán xếp vào hát ở phòng VIP 2. Lúc này T3 gọi điện thoại rủ H1 đến hát cùng. Một lúc sau H1 và Ánh đến, T3 nhờ MA gọi thuê hai nhân viên nữ đến rót bia, bấm bài hát. Khoảng 10 phút sau có Nguyễn Thị Tr1, sinh năm 2002 đăng ký hộ khẩu thường trú ở thôn x DĐ, xã NT, huyện LN, tỉnh H1 và Nguyễn Thu Ng1, sinh ngày x, đăng ký hộ khẩu thường trú ở x, phường PL, quận H7, thành phố H8 (ban đầu Ngân khai tên là Nguyễn Ngọc Th2 sinh ngày 05/11/2003 ở số nhà x ngõ y, phường PL, quận H7, thành phố H8) là nhân viên phục vụ rót bia, bấm bài đến. Sau đó Đức đến và vào phòng hát cùng mọi người. Quá trình hát, T3 nảy sinh ý định tổ chức sử dụng ma túy trong phòng hát nên T3 nói với Ngh1: "Lấy tí đồ về chơi không", ý nói mua ma túy tổng hợp về tổ chức sử dụng thì Ngh1 đồng ý. T3 đi lại hỏi H1 "Có lấy được đồ không", H1 biết việc T3 hỏi chỗ mua ma túy nên H1 nói "Có" đồng thời mở điện thoại tìm T3 khoản Facebook "Phạm H2" đưa điện thoại cho T3 gọi qua ứng dụng Messenger. T3 hỏi H2 mua một chỉ Ketamine, H2 báo giá 3.500.000 đồng, T3 đồng ý và hẹn H2 mang đến quán karaoke Đỗ Gia rồi tắt điện thoại trả cho H1. T3 bảo Ngh1 đưa tiền để mua ma túy, Ngh1 đưa cho T3 3.500.000 đồng. T3 nhận tiền rồi đưa cho H1 bảo H1 tí ra lấy ma túy.

Sau khi nói chuyện với T3 qua ứng dụng Messenger và đồng ý bán ma túy cho T3, Phạm Duy H2 gọi điện thoại cho một người tên Tr1 sinh năm 2004 quê ở tỉnh Nghệ An thuê trọ ở khu vực chợ chiều, thị trấn T1 hỏi mua một chỉ Ketamine. Tr1 báo giá 3.200.000 đồng, H2 đồng ý và bảo Tr1 mang đến đoạn đường gần cổng quán karaoke ĐG. Gặp H2, Tr1 đưa cho H2 01 túi ma túy loại Ketamine, H2 nhận túi ma túy và đi đến khu vực gần cổng quán karaoke ĐG gọi H1 ra lấy ma túy. H2 đưa túi ma túy loại Ketamine cho H1, H1 nhận túi ma túy rồi đưa lại cho H2 số tiền 3.500.000 đồng rồi đi vào phòng hát. Sau khi nhận tiền của H1, H2 đi lại chỗ Tr1 đang đứng rồi đưa cho Tr1 3.200.000 đồng còn 300.000 đồng tiền lãi H2 cầm rồi quay về phòng trọ, số tiền này H2 đã tiêu xài cá nhân hết.

Sau khi mua được túi ma túy (loại Ketamine), H1 đưa túi Ketamine cho T3 rồi đi ra ngoài. T3 cầm túi Ketamine đặt trên mặt bàn rồi đi ra nhà kho của quán lấy một chiếc đĩa sứ có in hoa văn mang vào phòng hát. Khi đến cửa phòng thì gặp Đ1, T3 hỏi Đ1 mượn chiếc thẻ rút tiền ngân hàng. Đ1 mở ví đưa thẻ ngân hàng của mình cho T3 nhưng do thẻ bị gãy nên T3 trả lại Đ1. Thấy trong ví của Đ1 có thẻ căn cước công dân, T3 dùng tay rút chiếc thẻ căn cước rồi đi vào phòng nhưng không nói cho Đ1 biết mục đích mượn thẻ để làm gì, còn Đ1 đi vào nhà vệ sinh. Vào phòng, T3 dùng bật lửa ga hơi nóng đĩa sứ rồi đổ toàn bộ túi nilon chứa Ketamine lên mặt đĩa, sau đó dùng thẻ căn cước công dân của Đ1 để đảo Ketamine cho mịn rồi kẻ thành các đường có kích thước khoảng 3 - 5 cm. Lúc này, H1 đi vào phòng và lấy trong chiếc túi xách đặt trên mặt loa 01 tờ tiền mệnh giá 20.000 đồng đưa cho Tr1 cuộn ống hút. Tr1 cuộn tờ tiền thành ống hút rồi dùng hai vỏ đầu lọc thuốc lá để cố định rồi đặt lên mặt chiếc đĩa sứ. Khoảng 03h20' cùng ngày T3 mời Ph, N sử dụng, Ph cầm ống hút hít một đường Ketamine; N dùng ngón trỏ tay phải châm một ít Ketamine cho lên mũi hít, những người còn lại chưa kịp sử dụng thì bị tổ công tác Công an tỉnh T2 kiểm tra phòng hát VIP 2, phát hiện thu giữ tại mặt bàn để đồ uống 01 đĩa sứ có in hoa văn, trên mặt đĩa có các chất tinh thể màu trắng, 01 thẻ căn cước công dân mang tên PHẠM TRUNG Đ1, 01 ống hút được cuộn bằng tờ tiền polyme mệnh giá 20.000 đồng được cố định bằng 02 vỏ đầu lọc thuốc lá màu vàng, 01 bật lửa ga màu tím. Sau

đó đưa các đối tượng và vật chứng về trụ sở Phòng cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy- Công an tỉnh T2 để làm việc đồng thời lấy mẫu nước tiểu ký hiệu M1, M2, M3, M4, M5, M6, M7, M8, M9 lần lượt của các đối tượng Lê Văn Ngh1, Vũ Văn H1, Lương Thế T3, Phạm Trung Đ1, Nguyễn Lương Ph, Nguyễn Thành N, Nguyễn Thị Tr1, Trần Thị MA và Nguyễn Thu Ng1 (ban đầu Ngân khai tên là Nguyễn Ngọc Th1) để trưng cầu giám định. Ngày 06/6/2022, Phạm Duy H2 đến Phòng cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy- Công an tỉnh T2 để đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi mua bán trái phép chất ma túy như đã nêu trên.

Ngày 06/6/2022, Cơ quan cảnh sát điều tra- Công an tỉnh T2 đã tiến hành kiểm tra và tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Phạm Duy H2 tại Kiot x, khu phố Trần Đức Th2, tổ dân phố số x, thị trấn T1, huyện T1, tỉnh T2. Quá trình làm việc Phạm Duy H2 đã tự giác giao nộp 09 túi nilon trong suốt có mép cài viền màu đỏ bên trong có chứa chất thực vật khô màu nâu; 02 túi nilon màu xám bên trong có chứa chất thực vật màu xanh, 01 túi nilon màu vàng bên trong có chứa chất thực vật màu xanh. Ngoài ra qua khám xét còn phát hiện thu giữ trên nóc tủ để đồ ở hành lang tầng 2 Kiot x có 01 túi nilon trong suốt, bên trong chứa 200 túi nilon trong suốt có mép cài viền màu đỏ. Tiến hành khám xét nơi ở của Vũ Văn H1 ở tổ dân phố số 3, thị trấn T1, huyện T1, tỉnh T2, lực lượng chức năng không phát hiện, thu giữ gì thêm.

Trong các ngày 02/6/2022 và ngày 06/6/2022 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T2 đã tiến hành trưng cầu giám định chất ma túy và khối lượng chất ma túy thu giữ trong phòng VIP 2 quán karaoke ĐG; các mẫu nước tiểu của 09 đối tượng trên và chất thực vật đựng trong các túi nilon thu giữ tại nhà Phạm Duy H2.

- Tại Bản Kết luận giám định số 203/KL-KTHS(MT) ngày 06/6/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh T2 kết luận: *Mẫu gửi giám định là ma túy loại Ketamine có khối lượng 0,0958g (Không phải không nghìn chín trăm năm mươi tám gam). Kentamine STT: 35, Danh mục III, Nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 và Nghị định 60/2020/NĐ-CP ngày 29/5/2020 của Chính phủ.*

- Kết luận giám định số 204/KL-KTHS(MT) ngày 06/6/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh T2 kết luận: *Mẫu nước tiểu M7 gửi giám định chứa sản phẩm chuyển hóa của hai loại ma túy là Ketamine, MDMA (Nguyễn Thị Tr1); Mẫu nước tiểu M5, M6 gửi giám định chứa sản phẩm chuyển hóa của ma túy là Ketamine (Nguyễn Lương Ph, Nguyễn Thành N), các mẫu nước tiểu M1, M2, M3, M4, M8, M9 gửi giám định không chứa sản phẩm chuyển hóa của ma túy.*

- Kết luận giám định số 3614/KL-KTHS ngày 07/6/2022 của Viện khoa học hình sự- Bộ Công an kết luận: *Không tìm thấy chất ma túy trong 09 túi nilon trong suốt có mép cài viền màu đỏ bên trong có chứa chất thực vật khô màu nâu; 02 túi nilon màu xám bên trong có chứa chất thực vật màu xanh, 01 túi nilon màu vàng bên trong có chứa chất thực vật màu xanh gửi giám định.*

Tại Cáo trạng số 103/CT-VKSTH ngày 31/10/2022, Viện Kiểm sát nhân dân huyện T1, tỉnh T2 quyết định truy tố các bị cáo Lương Thế T3, Lê Văn Ngh1, Vũ Văn H1, Nguyễn Thị Tr1 về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự; truy tố bị cáo Phạm Duy H2 về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại Khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo Lương Thế T3, Lê Văn Ngh1, Vũ Văn H1, Nguyễn Thị Tr1 và Phạm Duy H2 đều khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện T1 đã truy tố đối với các bị cáo.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện T1 thực hành quyền công tố nhà nước tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo về tội danh, điều luật như nội dung bản Cáo trạng số 103/CT-VKSTH và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Lương Thế T3 từ 8 (tám) năm 06 (sáu) tháng đến 9 (chín) năm tù.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 50, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Lê Văn Ngh1 từ 7 (bảy) năm 3 (ba) tháng đến 7 (bảy) năm 9 (chín) tháng tù.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Vũ Văn H1 từ 8 (tám) năm đến 8 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù. Áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt 01 năm tù cho hưởng án treo về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo Bản án số 65/2020/HS-ST ngày 10/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện T1, tỉnh T2, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội. Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

- Áp dụng khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 50, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Tr1 từ 7 (bảy) năm đến 7 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 38 Bộ luật hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Phạm Duy H2 từ 2 (hai) năm đến 2 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

Viện Kiểm sát đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo Lương Thế T3, Lê Văn Ngh1, Vũ Văn H1, Nguyễn Thị Tr1; đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung với Phạm Duy H2 từ 10 triệu đồng đến 15 triệu đồng. Ngoài ra, Viện Kiểm sát nhân dân huyện T1 cũng đề nghị xử lý vật chứng và án phí.

Các bị cáo không có ý kiến gì tranh luận với Kiểm sát viên về bản luận tội.

Kết thúc phần tranh luận các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo Lương Thế T3, Lê Văn Ngh1, Vũ Văn H1, Nguyễn Thị Tr1 và Phạm Duy H2 đều đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các T3 liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố vụ án được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền, trình tự, thủ tục.

Các bị cáo, người có quyền lợi, Ngh1 vụ liên quan không khiếu nại hay có ý kiến gì nên các hành vi, quyết định tố tụng trong vụ án này là hợp pháp.

[2] Về căn cứ kết tội đối với các bị cáo:

[2.1] Xét thấy, tại phiên tòa các bị cáo Lương Thế T3, Lê Văn Ngh1, Vũ Văn H1, Nguyễn Thị Tr1 đã khai nhận hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy tại phòng Víp 2 quán karaoke ĐG vào đêm ngày 02/6/2022. Bị cáo Phạm Duy H2 đã khai nhận hành vi mang ma túy đến gần cổng quán karaoke ĐG bán cho Vũ Văn H1. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai trong giai đoạn điều tra, truy tố và phù hợp với các T3 liệu, chứng cứ được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án như: Sơ đồ hiện trường và Biên bản sự việc, các Biên bản tạm giữ đồ vật T3 liệu, biên bản niêm phong đồ vật, T3 liệu bị tạm giữ, biên bản kiểm tra điện thoại do Cơ quan cảnh sát điều tra- Công an tỉnh T2 lập ngày 02/6/2022 tại phòng VIP 2 quán karaoke ĐG thuộc thôn Đ1, xã TG, huyện T1, tỉnh T2; Các Biên bản tạm giữ đồ vật T3 liệu, biên bản niêm phong đồ vật, T3 liệu bị tạm giữ, biên bản kiểm tra điện thoại do Cơ quan cảnh sát điều tra- Công an tỉnh T2 lập cùng ngày 06/6/2022 tại Kiot x, khu phố Trần Đức Th, tổ dân phố số x, thị trấn T1, huyện T1, tỉnh T2; Biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú do Công an tỉnh T2 lập ngày 06/6/2022 tại trụ sở phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy- Công an tỉnh T2; Bản Kết luận giám định số 203/KL-KTHS(MT) ngày 06/6/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh T2; Bản Kết luận giám định số 204/KL-KTHS(MT) ngày 06/6/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh T2; Phiếu trả lời kết quả về việc xác định tình trạng nghiện ma túy của Bệnh viện tâm thần- Sở y tế tỉnh T2; Lời khai của những người liên quan; Lời khai của những người làm chứng và các T3 liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

[2.2] Từ những tình tiết và chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 03 giờ 20 phút ngày 02/6/2022 tổ công tác phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh T2 phối hợp với Công an huyện T1 tiến hành kiểm tra hành chính quán karaoke ĐG thuộc thôn Đ1, xã TG, huyện T1, tỉnh T2 phát hiện Lương Thế T3, Lê Văn Ngh1, Vũ Văn H1 và Nguyễn Thị Tr1 đã có hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Cơ quan Công an đã lập biên bản quản lý 01 đĩa sứ có in hoa văn, trên mặt đĩa có các chất tinh thể màu trắng là ma túy loại Ketamine có khối lượng 0,0958g, 01 thẻ căn cước công dân mang tên PHẠM TRUNG Đ1, 01 ống hút cuốn bằng tờ tiền Polyme mệnh giá 20.000 đồng được cố định bằng 02 vỏ đầu lọc thuốc lá màu vàng, 01 bật lửa ga màu tím. Qua điều tra xác định số ma túy các đối tượng tổ chức sử dụng là do Vũ Văn H1 giúp Lương Thế T3 gọi điện và mua của Phạm Duy H2 với giá 3.500.000 đồng.

[2.3] Hành vi của các bị cáo Lương Thế T3, Lê Văn Ngh1, Vũ Văn H1 và Nguyễn Thị Tr1 đã phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự; bị cáo Phạm Duy H2 đã phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại Khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự như nội dung bản cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện T1 đã truy tố đối với các bị cáo là

có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Tội phạm thuộc trường hợp rất nghiêm trọng.

Điều 251. Tội mua bán trái phép chất ma túy

1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ T3 sản.

Điều 255 Tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy:

1. Người nào tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy dưới bất kỳ hình thức nào, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

b) Đối với 02 người trở lên;

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, phạt quản chế, cấm cư trú từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ T3 sản.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ hậu quả hành vi phạm tội của các bị cáo:

[3.1] Đối với hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy của các bị cáo Lương Thế T3, Lê Văn Ngh1, Vũ Văn H1 và Nguyễn Thị Tr1 là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý chất ma túy của nhà nước, làm suy thoái nòi giống con người, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự và an toàn xã hội.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn. Bị cáo Lương Thế T3 là người khởi xướng việc sử dụng ma túy, hỏi H1 chỗ mua, trực tiếp liên hệ qua T3 khoản Facebook "Phạm H2" gọi điện thoại qua ứng dụng Messenger của H1 để mua và yêu cầu Lê Văn Ngh1 đưa tiền để H1 mua ma túy mang vào quán Karaoke sử dụng, trực tiếp đảo và chia ma túy mời các anh Phú, Nam sử dụng do đó bị cáo Lương Thế T3 giữ vai trò thứ nhất trong vụ án. Bị cáo H1 là người trực tiếp liên hệ qua T3 khoản Facebook "Phạm H2" để T3 gọi điện thoại qua ứng dụng Messenger hỏi mua ma túy, trực tiếp cầm tiền T3 đưa đi mua ma túy mang vào phòng Karaoke, lấy tờ tiền 20.000 đồng để Tr1 cuộn ống hút, do đó bị cáo Vũ văn H1 giữ vai trò thứ hai trong vụ án. Bị cáo Lê Văn Ngh1 là người đồng ý với bị cáo T3 về việc sử dụng chất ma túy, là người đưa toàn bộ tiền cho bị cáo T3 để T3 đưa cho H1 đi mua ma túy nên cùng xếp thứ hai trong vụ án. Bị cáo Tr1 Tr1 cuộn ống hút bằng tờ tiền 20.000 đồng bị cáo H1 đưa và cuộn vào hai vỏ đầu lọc thuốc là để cố định đặt trên đĩa sứ để các đối tượng sử dụng ma túy nên giữ vai trò giúp sức và có vai trò sau cùng trong vụ án.

[3.2] Đối với hành vi mua trái phép chất ma túy của bị cáo Phạm Duy H2 là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý chất ma túy của nhà nước, gây mất trật tự trị an và nguy hiểm cho xã hội.

[4]. Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

[4.1] Về nhân thân, các bị cáo Lê Văn Ngh1, Nguyễn Thị Tr1, Phạm Duy H2 có nhân thân tốt, trước khi phạm tội các bị cáo đều chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo Vũ Văn H1 có nhân thân bị xử phạt tù cho hưởng án treo về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”, khi phạm tội mới bị cáo H1 vẫn đang trong thời gian thử thách. Bị cáo Lương Thế T3 có tiền sự bị xử phạt hành chính về hành vi về hành vi “Xâm hại sức khỏe của người khác”.

[4.2] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại khoản 1 điều 52 Bộ luật Hình sự.

[4.3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong giai đoạn điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Do vậy, các bị cáo Lương Thế T3, Lê Văn Ngh1, Vũ Văn H1, Nguyễn Thị Tr1 và Phạm Duy H2 đều được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật Hình sự là “Người phạm thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”. Bị cáo Lương Thế T3 có thời gian tham gia nghĩa vụ quân sự; bố đẻ bị cáo Vũ Văn H1 là người có công với cách mạng được Chủ tịch nước thưởng Huân chương chiến công hạng ba; bị cáo Phạm Duy H2 ra đầu thú về hành vi phạm tội nên các bị cáo T3, H1 và H2 đều được áp dụng thêm 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự

[5] Về hình phạt:

[5.1] Về hình phạt chính: Xét thấy ma túy là hiểm họa của toàn xã hội, làm suy thoái nòi giống con người và là nguyên nhân làm phát sinh các loại tội phạm khác. Các bị cáo là những người đã trưởng thành, có đầy đủ khả năng nhận thức được tác hại của việc sử dụng ma túy NH2 các bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi mua bán, sử dụng trái phép chất ma túy. Hành vi mua bán và tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy của các bị cáo gây ảnh hưởng rất xấu đến công tác đấu tranh phòng ngừa tội phạm về ma túy. Do đó, hành vi của các bị cáo cần thiết phải xử phạt bằng hình phạt tù, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội do các bị cáo gây ra mới có tác dụng cải tạo, giáo dục các bị cáo và đấu tranh phòng ngừa tội phạm chung. Tuy nhiên khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân của các bị cáo, để Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần mức hình phạt tù cho các bị cáo. Bị cáo H1 là người có nhân thân theo Bản án số 65/2020/HS-ST ngày 10/11/2020 bị Tòa án nhân dân huyện T1 xử phạt 01 năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 năm về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”, bị cáo phạm tội trong thời gian thử thách nên cần áp dụng Điều 56, Điều 65 Bộ luật hình sự để tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội.

[5.2] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo Lương Thế T3, Lê Văn Ngh1, Vũ Văn H1, Nguyễn Thị Tr1 lao động tự do, đều không có việc làm, thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo. Bị cáo Phạm Duy H2 bán ma túy với mục đích kiếm lời cho bản thân nên áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Phạm Duy H2 là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về vật chứng của vụ án:

[6.1] Đối với 0,0658 gam ma túy Ketamine chứa trong phong bì hoàn trả mẫu vật niêm phong dán kín số 203/KL-KTHS(MT); 01 hộp niêm phong số 3614/C09 (TT2) của Viện khoa học hình sự Bộ Công an chứa mẫu vật hoàn lại sau giám định theo Kết luận giám định số 3614/KL-KTHS ngày 07/6/2022 của Viện khoa học hình sự- Bộ Công an; 01 đĩa sứ có in hoa văn; 01 bát lửa ga màu tím; 200 vỏ túi nilon trong suốt là vật chứng liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo nên cần tịch thu tiêu hủy.

[6.2] Đối với số tiền 20.000đồng (Hai mươi nghìn đồng) là ông hút được chứa trong hai vỏ đầu lọc thuốc lá; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi vỏ màu xanh đã qua sử dụng thu của Vũ Văn H1 là phương tiện các bị cáo dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ nhà nước. Đối với số tiền 300.000 đồng bị cáo H2 thu lời bất chính cần truy thu sung quỹ Nhà nước.

[6.3] Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax đã qua sử dụng của Nguyễn Thị Tr1, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia vỏ màu xanh đã qua sử dụng của Lương Thế T3; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia vỏ màu đen đã qua sử dụng của Lê Văn Ngh1; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax vỏ màu vàng đã qua sử dụng thu của Phạm Duy H2; 01 thẻ căn cước công dân số x của Phạm Trung Đ1. Đây là T3 sản của các bị cáo và không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho các bị cáo Nguyễn Thị Tr1, Lương Thế T3, Lê Văn Ngh1, Phạm Duy H2 và Phạm Trung Đ1.

[7]. Về nguồn gốc số ma túy thu giữ trong vụ án: Về nguồn gốc số ma túy Phạm Duy H2 khai mua của một người tên Tr, sinh năm 2004 quê ở tỉnh Nghệ An hiện thuê phòng trọ tại khu vực chợ chiều thị trấn T1, huyện T1, tỉnh T2 thông qua số điện thoại x. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành điều tra xác minh nhưng trên địa bàn thị trấn T1 không có công dân nào tên Tr sinh năm 2004 quê ở tỉnh Nghệ An. Số điện thoại đăng ký mang tên bà Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1952 trú tại tổ dân phố số x, thị trấn T1, huyện T1, tỉnh T2 nhưng bà Ng khẳng định từ trước đến nay không đăng ký và sử dụng số điện thoại trên. Vì vậy Cơ quan Cảnh sát điều tra không có đủ căn cứ điều tra, xác minh làm rõ người đã bán ma túy cho H2 để xử lý theo pháp luật.

[8]. Về vấn đề khác của vụ án:

[8.1] Trong vụ án này có Phạm Trung Đ1, sinh năm 1996 ở thôn RT, xã TP, huyện T1 là người có hành vi cho Lương Thế T3 mượn chiếc thẻ căn cước công dân và bị Cơ quan cảnh sát điều tra- Công an tỉnh T2 khởi tố bị can về tội: Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Tuy nhiên T3 liệu điều tra thể hiện Đ1 là

người đến quán Karaoke ĐG sau nhóm của T3, bản thân Đ1 chưa từng sử dụng trái phép chất ma túy, chưa từng chứng kiến và cũng không biết hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, khi cho T3 mượn chiếc thẻ căn cước Đ1 không biết mục đích T3 mượn thẻ căn cước để tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, địa điểm T3 hỏi Đ1 mượn thẻ khi Đ1 đang ở ngoài phòng hát nên việc Viện kiểm sát nhân dân tỉnh T2 ra quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố bị can đối với Đ1 là có căn cứ.

[8.2] Đối với Nguyễn Lương Ph, Nguyễn Thành N tuy có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, tuy nhiên T3 liệu điều tra thể hiện Ph, N không có hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, không xúi giục, giúp sức cho các đối tượng khác để tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy- Công an tỉnh T2 đã ra quyết định xử phạt hành chính đối với Ph, N về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy là phù hợp với quy định của pháp luật.

[8.3] Đối với Trần Thị MA, Nguyễn Thu Ng1 (ban đầu Ngân khai tên là Nguyễn Ngọc Th1) tài liệu điều tra thể hiện MA, Ng1 không sử dụng ma túy, không tham gia tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, không xúi giục, giúp sức cho các đối tượng khác để tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy nên Cơ quan điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với MA, Ng1 là phù hợp với quy định của pháp luật.

[8.4] Đối với chị Nguyễn Thị H5 là chủ quán karaoke ĐG, quá trình điều tra xác định tại thời điểm các đối tượng sử dụng trái phép chất ma túy tại phòng VIP 2, chị H5 không có mặt tại quán, không biết việc các đối tượng mang ma túy vào trong phòng hát để sử dụng chỉ khi lực lượng Công an vào kiểm tra phát hiện chị H5 mới biết nên không có căn cứ xử lý hình sự đối với chị H5 là phù hợp với quy định của pháp luật.

[9]. *Về án phí*: Các bị cáo Lương Thế T3, Lê Văn Ngh1, Vũ Văn H1, Nguyễn Thị Tr1 và Phạm Duy H2 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10]. *Về quyền kháng cáo*: Các bị cáo và người có quyền lợi, Ngh1 vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Về tội danh:

Tuyên bố:

- Các bị cáo Lương Thế T3, Lê Văn Ngh1, Vũ Văn H1 và Nguyễn Thị Tr1 phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.
- Bị cáo Phạm Duy H2 phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

2. Về hình phạt:

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lương Thế T3

8 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù giam, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 07/6/2022. Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 50, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lê Văn Ngh1 7 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù giam, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 07/6/2022. Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Vũ Văn H1 7 (bảy) năm 9 (chín) tháng tù. Áp dụng Điều 56, Điều 65 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt 01 năm tù về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo Bản án số 65/2020/HS-ST ngày 10/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện T1, tỉnh T2, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 08 (tám) năm 09 (chín) tháng tù giam, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 07/6/2022.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

- Áp dụng khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 50, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Tr1 7 (bảy) năm tù giam, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 07/6/2022. Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

- Áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Duy H2 2 (hai) năm tù, giam, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ 06/6/2022. Phạt tiền nộp một lần 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) đối với bị cáo để sung quỹ Nhà nước.

3. Về vật chứng: Áp dụng điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy 0,0658 gam ma túy Ketamine chứa trong phong bì hoàn trả mẫu vật niêm phong dán kín số 203/KL-KTHS(MT); 01 hộp niêm phong số 3614/C09 (TT2) của Viện khoa học hình sự Bộ Công an chứa mẫu vật hoàn lại sau giám định theo Kết luận giám định số 3614/KL-KTHS ngày 07/6/2022 của Viện khoa học hình sự- Bộ Công an; 01 đĩa sứ có in hoa văn; 01 bật lửa ga màu tím; 200 vỏ túi nilon trong suốt.

- Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 20.000đồng (Hai mươi nghìn đồng) là ống hút được chứa trong hai vỏ đầu lọc thuốc lá; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi vỏ màu xanh đã qua sử dụng thu của Vũ Văn H1. Truy thu số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) của bị cáo Phạm Duy H2 để sung quỹ Nhà nước.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị Tr1 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax đã qua sử dụng; trả lại cho bị cáo Lương Thế T3 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia vỏ màu xanh đã qua sử dụng; trả lại cho bị cáo Phạm Duy H2 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax vỏ màu vàng đã qua sử dụng; trả lại cho bị cáo Lê Văn Ngh1 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia vỏ màu đen đã qua sử dụng; trả lại cho anh Phạm Trung Đ1 01 thẻ căn cước công dân số x.

(Toàn bộ vật chứng có đặc điểm mô tả chi tiết trong Biên bản giao nhận vật chứng ngày 31/10/2022 tại Công an huyện T1, tỉnh T2).

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm a khoản 1 điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Các bị cáo Lương Thế T3, Lê Văn Ngh1, Vũ Văn H1, Nguyễn Thị Tr1 và Phạm Duy H2 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự 2015. Các bị cáo Lương Thế T3, Lê Văn Ngh1, Vũ Văn H1, Nguyễn Thị Tr1 và Phạm Duy H2 được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (02/12/2022).

Những người có quyền lợi, Ngh1 vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án về vấn đề liên quan trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh T2;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh T2;
- Sở Tư pháp tỉnh T2;
- VKSND huyện T1;
- CA; Nhà tạm giữ CA huyện T1;
- Chi cục THADS huyện T1;
- Các Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đồng Ngọc Huyền